TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST Ngày: 13-02-2026 V/v ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân:	Bà Đàm Thị Thanh Loan
	Ông Võ Văn Thỏ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đào Hải Y, sinh ngày 16/10/1991 (có mặt).

CCCD số: 095191005304, cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: Số C khóm B, phường V, tỉnh Cà Mau (trước đây là số 34A, khóm B, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Pa R, sinh ngày 01/01/1980 (có mặt).

CCCD số 094080009479, cấp ngày 22/01/2024.

Địa chỉ: Ấp X, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Hải Y trình bày:

Bà và ông N chung sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2012 tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã P, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian đầu cuộc sống gia đình rất hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần

hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thay đổi nên đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, nay muốn trả tự do cho nhau, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/01/2026 và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Pa R trình bày:

Ông và chị Đào Hải Y tự quen biết với nhau, sau đó nảy sinh tình cảm và tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và ngày 16/7/2012 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã P, thành phố Cần Thơ). Quá trình chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì, ông không biết lý do gì vợ ông đã bỏ đi đến nay khoảng 10 năm, lúc đầu ông còn đi năn nỉ, nhưng sau đó thì vợ bỏ đi biệt tăm, ông cũng không biết vợ ông sinh sống ở đâu, gia đình cha mẹ vợ cũng dời nhà đi nơi khác, ông có đi tìm không tìm gặp, liên lạc bằng điện thoại thì vợ ông không bắt máy. Do vẫn còn thương vợ, ông không biết nguyên nhân mâu thuẫn là gì nên nay vợ xin ly hôn, ông không đồng ý mà đề nghị Tòa án hàn gắn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa ông trình bày trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông yêu cầu chị Y phải trả lại vàng cưới cho ông.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Y được ly hôn với ông R. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu. Án phí ly hôn buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy trích lục kết hôn số 134/2025/TLKH-BS ngày 04/3/2025 của Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B (nay là UBND phường V, tỉnh Cà Mau) thể hiện, bà Đào Hải Y và ông Nguyễn Pa R có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2012, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà Y, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, vợ chồng đã nhiều lần tự hàn gắn nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, tại phiên tòa bà Y giữ vững yêu cầu ly hôn với ông N.

Còn ông N trình bày trong thời gian chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì, ông không biết lý do gì vợ bỏ đi và đã tìm nhiều cách liên lạc nhưng không được, vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2012 đến nay, tại phiên tòa ông yêu cầu được hàn gắn do vẫn còn thương vợ, trường hợp phải ly hôn thì yêu cầu bà Y phải trả lại vàng cưới.

Sau khi bà Y nộp đơn khởi kiện Toà án cũng đã tiến hành hoà giải động viên hàn gắn nhưng không thành, bà Y cương quyết ly hôn, ông N xin hàn gắn. Tuy nhiên, kể từ khi Toà án tiến hành hoà giải đến nay ông N chưa có giải pháp nào để động viên vợ tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với mình. Mặt khác, giữa bà Y và ông N đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay, nghĩa là sau khi đăng ký kết hôn chỉ chung sống với nhau được thời gian ngắn, sau đó thì vợ chồng ly thân. Sau khi ly thân thì mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lo lắng cho nhau.

Xét thấy, việc nam nữ đăng ký kết hôn với nhau xuất phát từ mong muốn tìm kiếm hạnh phúc trong cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, nếu hôn nhân không như mong muốn, không còn hạnh phúc trong cuộc sống vợ chồng thì ly hôn chính là giải pháp cho cả hai, nên không thể bắt buộc bà Y phải tiếp tục chung sống với ông N nếu như bà không còn tình cảm và thực tế nhiều năm nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau là vi phạm tình nghĩa vợ chồng được luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Y được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Bà Đào Hải Y và ông Nguyễn Pa R thống nhất không có.

[4] Về tài sản chung: Bà Đào Hải Y trình bày không có và tại phiên tòa ông Nguyễn Pa R đặt ra vấn đề yêu cầu bà Y phải trả lại vàng cưới nếu muốn ly hôn. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông N không đưa ra yêu cầu này và không có đơn yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì ông N có quyền khởi kiện một vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Bà Đào Hải Y và ông Nguyễn Pa R thống nhất không có, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Y phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011608 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà Y đã nộp xong án phí.

[7] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Đào Hải Y được ly hôn với ông Nguyễn Pa R.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Buộc bà Đào Hải Y phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011608 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà Y đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV7-Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND Phường V, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp